

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KỲ HOA

PHỤ LỤC I:
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ DỰ KIẾN KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 CÁC HỘ DÂN THÔN XUÂN THỌ
(Kèm theo Thông báo số 173/TB-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Kỳ Hoa)

ĐVT: Triệu đồng

T T	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70% diện tích (ha)												Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (ha)												Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
		Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Cây hàng năm khác									Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Cây hàng năm khác									
					Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*11	13	14	15=13*14	16	17	18=16*17	19	20	21=19*20	22	23	24=22*23	25=3+6+9+12+15+18+21+24
1	Tăng Ngọc Anh	0,05239	10	0,524		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5	0	0,524
2	Đặng Ngọc Hành	0,13638	10	1,364		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		1,364
3	Nguyễn Tiến Hanh	0,04518	10	0,452		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,452
4	Tô Ngọc Cúc	0,09252	10	0,925		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,925
5	Phạm Quang Đào	0,06544	10	0,654		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,654
6	Hoàng Công Trường	0,07192	10	0,719		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,719
7	Nguyễn Tiến Bành	0,06000	10	0,600		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,600
8	Tăng Văn Lành	0,03995	10	0,400		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,400
9	Nguyễn Trung Thành	0,08562	10	0,856		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,856
10	Lê Thị Cảnh	0,08399	10	0,840		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,840
11	Tăng Thị Huệ	0,20630	10	2,063		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		2,063
12	Nguyễn Thị Liệu		10	0,000		6	0		10	0		15	0	0,083	5	0,415		3	0		5	0		7,5		0,415
13	Nguyễn Thị Phương	0,05	10	0,500		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,500
14	Dương Xuân Mười	0,05	10	0,500		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,500
15	Nguyễn Tiến Dũng	0,06916	10	0,692		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,692
16	Tăng Thanh	0,075	10	0,750		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,750
17	Bùi Quang Tiến	0,15024	10	1,502		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		1,502
18	Lê Văn Kỳ	0,15	10	1,500		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		1,500
19	Dương Đình Quân	0,030	10	0,300		6	0		10	0		15	0	0,020	5	0,100		3	0		5	0		7,5		0,400
20	Tô Ngọc Thiện	0,0833	10	0,833		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,833
21	Tăng Thị Hà	0,0830	10	0,830		6	0		10	0		15	0	0,02816	5	0,141		3	0		5	0		7,5		0,971
22	Tăng Văn Trung	0,1	10	1,000		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		1,000

T T	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70% diện tích (ha)												Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (ha)												Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
		Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Cây hàng năm khác								Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Cây hàng năm khác										
					Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ				Thành tiền	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền				
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*1 1	13	14	15=13*1 4	16	17	18=16*1 7	19	20	21=19*2 0	22	23	24=22*2 3	25=3+6+9+12 +15+18+21+2 4
23	Tăng Thị Nam	0,1	10	1,000		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		1,000
24	Trần Hồng Thắng	0,0759	10	0,759		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,759
25	Tăng Văn Mạnh	0,19	10	1,900		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		1,900
26	Nguyễn Xuân Thủy	0,1	10	1,000		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		1,000
27	Lê Thị Tuyết	0,12	10	1,200		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		1,200
28	Thái Hữu Long	0,0466	10	0,466		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,466
29	Phan Đình Canh	0,045	10	0,450		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,450
30	Dương Đình Chiểu	0,16205	10	1,621		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		1,621
31	Tăng Văn Thịnh	0,069	10	0,690		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,690
32	Dương Quốc Hoàn	0,13	10	1,300		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		1,300
33	Nguyễn Xuân Chính	0,05	10	0,500		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,500
34	Nguyễn Xuân Tùng	0,225	10	2,250		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		2,250
35	Phan Thị Nguyệt	0,053	10	0,530		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,530
36	Tăng Văn Huệ	0,087	10	0,870		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,870
37	Bùi Quang Tùng	0,35	10	3,500		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		3,500
38	Nguyễn Tiến Sửu	0,05	10	0,500		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		0,500
39	Bùi Huy	0,22	10	2,200		6	0		10	0		15	0		5			3	0		5	0		7,5		2,200
40	Thái Thị Huệ		10	0,000		6	0		10	0	0,02365	15	0,355		5			3	0		5	0		7,5		0,355
41	Tăng Thị Huệ		10	0,000		6	0		10	0	0,048	15	0,720		5			3	0		5	0		7,5		0,720
42	Biên Thị Khanh		10	0,000		6	0		10	0	0,04	15	0,600		5			3	0		5	0		7,5		0,600
43	Bùi Xuân Nghĩa		10	0,000		6	0		10	0	0,01	15	0,150		5			3	0		5	0		7,5		0,150
44	Tăng Văn Huệ		10	0,000		6	0		10	0	0,005	15	0,075		5			3	0		5	0		7,5		0,075
	Tổng cộng:	3,85394		38,53940			0			0	0,12665		1,89975	0,13116		0,65580	0		0			0	0		0	41,0950

PHỤ LỤC II:
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ DỰ KIẾN
ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 CÁC HỘ DÂN THÔN XUÂN THỌ

(Kèm theo Thông báo số 173/TB-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Kỳ Hoa)

DVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 30% đến 70%						Tổng kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)
		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*11	13=3+6+9+12
1	Phan Hồng Sơn		8	0	8,9	15	133,5		4	0		7,5	0	133,50
2	Bùi Quang Trung		8	0	3,7	15	55,5		4	0		7,5	0	55,50
3	Tăng Anh Thủy		8	0	2,2	15	33,0		4	0		7,5	0	33,00
4	Nguyễn Văn Anh		8	0	1,2	15	18,0		4	0		7,5	0	18,00
	Tổng	0	32	0	16,0	60	240,00	0	16	0	0	30	0	240,00